

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Tên gói thầu: Mua sắm Vật tư y tế của Bệnh viện ĐKKV Long Khánh năm 2026-2028.

Dự toán mua sắm: Mua sắm Vật tư y tế của Bệnh viện ĐKKV Long Khánh năm 2026-2028.

Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh.

Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác.

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, lựa chọn nhà thầu trong nước (qua mạng).

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2026.

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày.

Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tùy chọn mua thêm: Không đề xuất.

Địa điểm cung cấp: Tại Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Địa chỉ: Số 911 Đường 21/4, khu phố Suối Tre, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung cho tất cả phân lô

- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã hoàn thành thủ tục công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (đối với cơ sở sản xuất) hoặc đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế (đối với cơ sở kinh doanh):

+ Số công bố (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT hoặc Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT và đường link hồ sơ được công bố trên cổng thông tin của Bộ Y tế và có trạng thái “còn hiệu lực”.

Hoặc:

+ Số công bố (hoặc Phiếu tiếp nhận) Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất đối với TTBYT hoặc Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất TTBYT và đường link hồ sơ được công bố trên cổng thông tin của Bộ Y tế và có trạng thái “còn hiệu lực”.

- Nhà thầu cung cấp Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc Ủy quyền của nhà phân phối hợp pháp tại Việt Nam (nhà phân phối được ủy quyền của nhà sản xuất) hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc Tài liệu khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu không đính kèm tài liệu này trong E-HSDT, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp.

- Chất lượng hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hàng hóa khi giao nhận đều còn phải nguyên bao bì đóng gói của nhà sản xuất.

- Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa: Hàng hóa dự thầu phải được sản xuất bởi nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485, các tài liệu FDA, CE, CFS, CFG,..., hoặc tương đương theo yêu cầu của từng phân lô hàng hoá tại Bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết.

- Thời gian bảo hành: Bảo hành hàng hoá theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (đối với hàng hoá có bảo hành).

* Nhà thầu phải liệt kê những hàng hoá dự thầu có bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, ghi rõ thời hạn bảo hành kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao. Trường hợp hàng hoá có bảo hành theo quy định của nhà sản xuất nhưng nhà thầu không kê khai, không cam kết bảo hành thì chủ đầu tư đánh giá nhà thầu vi phạm quy định tại Khoản 4, Điều 16, Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023.

- Hạn sử dụng hàng hoá lúc giao hàng còn tối thiểu 2/3 hạn sử dụng của hàng hoá hoặc tối thiểu còn 24 tháng đối với những mặt hàng có tổng thời hạn sử dụng ≥ 36 tháng.

- Đối với hàng hóa không ghi nhãn ngày sản xuất hoặc hạn dùng, năm sản xuất hàng hoá lúc giao hàng phải từ 2025 trở đi. Trường hợp khác, nhà thầu phải có văn bản giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng và an toàn sản phẩm.

- Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Đóng gói, vận chuyển hàng hóa đảm bảo đúng yêu cầu về đóng gói và bảo quản của nhà sản xuất và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển hàng từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

- Yêu cầu về vận chuyển: Hàng hóa phải được vận chuyển đến Kho chứa Vật tư - Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Địa chỉ: Số 911 Đường 21/4, khu phố Suối Tre, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai, mọi chi phí vận chuyển

do nhà thầu chịu. Trường hợp phát hiện hư hỏng do quá trình vận chuyển, phải đổi hàng hoá mới 100%.

- Đào tạo cho đơn vị sử dụng (nếu có): Hướng dẫn sử dụng, bảo quản, các lưu ý trong quá trình sử dụng,...cho nhân viên Phòng VT-TBYT, hướng dẫn sử dụng thiết bị đi kèm (nếu có).

- Nhà thầu cung cấp bộ chứng từ gồm: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ), hóa đơn (Invoice), vận đơn vận chuyển (Bill of lading), phiếu đóng gói hàng hóa (Packing list), tờ khai hải quan và các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc Phiếu xuất xưởng, Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đối với hàng hóa trong nước khi giao hàng.

*** Lưu ý:** Tất cả hồ sơ giấy tờ của sản phẩm phải gồm 02 bản được đóng thành 02 quyển, Hồ sơ chứng từ phải là Bản gốc hoặc bản sao y có chứng thực của cơ quan có chức năng phù hợp với quy định của pháp luật, trường hợp đối với tài liệu không công chứng được theo quy định thì nhà thầu phải đóng dấu xác nhận của nhà thầu; đối với tài liệu không phải là tiếng Việt nhà thầu cung cấp kèm bản dịch hợp pháp sang tiếng Việt của đơn vị, cơ quan có chức năng.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Hàng hoá chào thầu trong E-HSMT của nhà thầu phải đáp ứng về chủng loại, số lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và có chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng tối thiểu các yêu cầu trong E-HSMT.

Nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá.

Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng “tương đương” hoặc tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu cần cung cấp nghiên cứu, trích dẫn nguồn (VD website) tham chiếu của tài liệu nghiên cứu hoặc xác nhận của Cơ quan, tổ chức đánh giá độc lập và thuyết minh sự “tương đương” hoặc tốt hơn tương ứng của hàng hoá dự thầu.

*Yêu cầu kỹ thuật hàng hóa cụ thể quy định trong **file đính kèm**.*

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Yêu cầu về tính hợp lệ của hàng hóa

*** Đối với hàng hóa là thiết bị y tế**

- Tài liệu chứng minh thiết bị y tế đã được phân loại theo quy định tại Nghị

định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP: Bản kết quả phân loại trang thiết bị y tế hoặc tài liệu tương đương + Đường link bản phân loại trên cổng thông tin của Bộ Y tế.

- Tài liệu chứng minh thiết bị y tế dự thầu đáp ứng điều kiện lưu hành theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023, Nghị định 04/2025/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Đối với TBYT loại A, B: Nhà thầu cung cấp Số công bố (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của TBYT do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

+ Đối với TBYT loại C, D: Nhà thầu cung cấp Số giấy chứng nhận (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu (đối với thiết bị y tế thuộc danh mục cấp giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022).

*** Đối với hàng hóa không phải là thiết bị y tế**

- Tài liệu chứng minh hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam (Vd: Tiêu chuẩn cơ sở/ Số công bố sản phẩm, Số lưu hành sản phẩm/ Tờ khai hải quan chứng minh hàng hóa được nhập khẩu hợp pháp vào thị trường Việt Nam hoặc Phiếu xuất xưởng, Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đối với hàng hóa trong nước hoặc tài liệu tương đương, catalogue, hình ảnh sản phẩm).

1.3.2. Tài liệu chứng minh đặc tính kỹ thuật cụ thể của hàng hóa

- Nhà thầu đính kèm theo tài liệu Catalogue hoặc văn bản xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối (nhà phân phối được ủy quyền của nhà sản xuất) hoặc đường dẫn đến Website Hãng sản xuất hoặc tài liệu khác tương đương để chứng minh hàng hóa dự thầu đáp ứng đầy đủ thông số đặc tính kỹ thuật được quy định tại Chương V của E-HSMT (*tài liệu phải được dịch sang tiếng Việt bởi bên thứ 03 có đầy đủ chức năng và có xác nhận của công chứng viên, nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của các văn bản có yếu tố nước ngoài, các văn bản, catalogue của nhà sản xuất và tài liệu bản dịch tiếng Việt của các văn bản đó*). Trường hợp Nhà thầu không cung cấp tài liệu bản dịch hoặc tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu dịch sai, tùy mức độ, tổ chuyên gia có thể loại E-HSMT của nhà thầu.

- Nhà thầu đính kèm hình ảnh sản phẩm thể hiện rõ ràng tên sản phẩm, hạn sử dụng, nhà sản xuất/nước sản xuất (trong trường hợp sản phẩm được sản xuất ở các nhà máy thuộc các vùng lãnh thổ quốc gia khác nhau thì cung cấp đầy đủ hình ảnh bao bì sản phẩm từ các nhà máy mà nhà thầu tham dự).

- Nhà thầu cung cấp các hình ảnh thực tế dưới nhiều góc độ để Chủ đầu tư

đọc được tất cả các thông tin trên bao bì hàng hóa và cấu tạo của sản phẩm dự thầu.

Nhà thầu phải dùng công cụ đánh dấu (highlight) vào các nội dung cụ thể chứng minh hàng hóa đáp ứng kỹ thuật tại catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật.

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin của hàng hóa vào “Bảng kê khai dữ liệu hàng hóa dự thầu” và “Bảng kê khai cấu hình, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu”, theo bảng dưới đây:

BẢNG KÊ KHAI DỮ LIỆU HÀNG HÓA DỰ THẦU

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Gói thầu:

STT	Mã phần lô/Tên phần lô	Tên hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại	Model hoặc Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng /Nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Quy cách	Phân loại TTBYT (A, B, C, D)	Số ký hiệu bản phân loại TBYT	Số đăng ký lưu hành hoặc Số giấy phép nhập khẩu hoặc Số công bố tiêu chuẩn áp dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Hạn sử dụng của hàng hoá (Tháng)	Đường link bản phân loại trên cổng thông tin của Bộ Y tế

Chúng tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật. Trong trường hợp có sai sót chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của HSMT và pháp luật về đấu thầu.

....., ngày.....tháng.....năm 2026

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Lưu ý:

- Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSĐT mà phải đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong Mẫu số 10B Chương IV so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong Mẫu số 10B là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất kê khai tại Mẫu số 10B (webform trên hệ thống) không tồn tại trên thị trường.
- Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.
- Cách ghi model/mã ký hiệu của hàng hóa dự thầu:
 - + Trường hợp tổng số ký tự (đã bao gồm ký tự trống và dấu cách) của các model/mã ký hiệu dự thầu đối với từng phần hàng hóa dưới 2000 ký tự: Nhà thầu phải liệt kê cụ thể các model/mã ký hiệu.
 - + Trường hợp tổng số ký tự (đã bao gồm ký tự trống và dấu cách) của các model/mã ký hiệu dự thầu đối với từng phần hàng hóa ≥ 2000 ký tự: Nhà thầu mã hóa model/mã ký hiệu và phải chú thích cách mã hóa để thể hiện cụ thể model/mã ký hiệu. Ví dụ: VSA-xxx05TP; VSA-xxx10TP; VSA-xxx15TP; VSA-xxx20TP; (xxx= 100, 125, 150, 175, 200, 225, 250, 275, 300, 325, 350, 375, 400, 425, 450, 475, 500,...). Nhà thầu không ghi model/mã ký hiệu, nhãn hiệu của hàng hóa dự thầu theo nguyên tắc nêu trên được coi là không đề xuất cụ thể ký mã hiệu và không được xem xét, đánh giá.
- Đối với từng phần hàng hóa, trường hợp nhà thầu chào nhiều model/mã ký hiệu hàng hóa khác nhau, chỉ đánh giá tiếp đối với các model/mã ký hiệu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

BẢNG KÊ KHAI CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA DỰ THẦU

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Gói thầu:

STT	Mã phần lô/ Tên phần lô	Tên hàng hóa theo E-HSMT	Cấu hình, thông số kỹ thuật trong E-HSMT	Cấu hình, thông số kỹ thuật hàng hóa đáp ứng	Vị trí chứng minh thông số kỹ thuật (tài liệu nào, mục nào, trang nào)
					<i>Ví dụ:</i> <u>Datasheet</u> trang 1 , mục ABC “<u>Đoạn thể hiện nội dung</u>” <u>Đường link website</u> , kèm ảnh chụp màn hình có đánh dấu highlight “<u>Đoạn thể hiện nội dung</u>” <i>Nhà thầu phải dùng công cụ đánh dấu (highlight) vào các nội dung cụ thể chứng minh hàng hóa đáp ứng kỹ thuật tại catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật.</i>

Chúng tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm với nội dung kê khai trên.

Trường hợp nhà thầu cố tình kê khai thông tin không đúng với thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của HSMT và pháp luật về đấu thầu.

(Lưu ý: Đối với danh mục gồm nhiều chi tiết hợp thành nhà thầu phải chào cụ thể các thông tin kỹ mã hiệu của từng chi tiết và tài liệu chứng minh nằm ở mục, trang nào).

....., ngày.....tháng.....năm 2026

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

1.3.3. Bản cam kết của nhà thầu

Nhà thầu phải cung cấp bằng văn bản có chữ ký, đóng dấu hợp lệ cho gói thầu này với nội dung cụ thể theo mẫu như sau:

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU

**Gói thầu: Mua sắm Vật tư y tế của Bệnh viện ĐKKV Long Khánh
năm 2026-2028**

**Dự toán mua sắm: Mua sắm Vật tư y tế của Bệnh viện ĐKKV Long Khánh
năm 2026-2028**

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh

(Sau đây gọi là chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu E-HSMT gói thầu: Mua sắm Vật tư y tế của Bệnh viện ĐKKV Long Khánh năm 2026-2028, chúng tôi _____ [*Ghi tên nhà thầu*] cam kết các nội dung sau đây:

1. Nhà thầu cam kết đảm bảo tư cách hợp lệ theo quy định của E-HSMT.
2. Nhà thầu cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
3. Nhà thầu cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.
4. Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.
5. Nhà thầu cam kết có đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (đối với cơ sở sản xuất) hoặc đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế (đối với cơ sở kinh doanh) (có cung cấp hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế hoặc hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế kèm theo E-HSDT).

6. Nhà thầu cam kết hàng hóa đã được phân loại theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP (có cung cấp tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT).

7. Nhà thầu cam kết hàng hóa đáp ứng điều kiện lưu hành theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023, Nghị định 04/2025/NĐ-CP của Chính phủ (có cung cấp tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT).

8. Nhà thầu cam kết cung cấp Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc Ủy quyền của nhà phân phối hợp pháp tại Việt Nam (nhà phân phối được ủy quyền của nhà sản xuất) hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc Tài liệu khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu không đính kèm tài liệu này trong E-HSDT, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp.

9. Nhà thầu cam kết chất lượng hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hàng hóa khi giao nhận đều còn phải nguyên bao bì đóng gói của nhà sản xuất.

10. Nhà thầu cam kết cung cấp bộ chứng từ gồm: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ), hóa đơn (Invoice), vận đơn vận chuyển (Bill of lading), phiếu đóng gói hàng hóa (Packing list), tờ khai hải quan và các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc Phiếu xuất xưởng, Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đối với hàng hóa trong nước khi giao hàng (Tất cả hồ sơ giấy tờ của sản phẩm phải gồm 02 bản được đóng thành 02 quyển, Hồ sơ chứng từ phải là Bản gốc hoặc bản sao y có chứng thực của cơ quan có chức năng phù hợp với quy định của pháp luật, trường hợp đối với tài liệu không công chứng được theo quy định thì nhà thầu phải đóng dấu xác nhận của nhà thầu; đối với tài liệu không phải là tiếng Việt nhà thầu cung cấp kèm bản dịch hợp pháp sang tiếng Việt của đơn vị, cơ quan có chức năng).

11. Nhà thầu cam kết bảo hành hàng hoá theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (đối với hàng hoá có bảo hành, nhà thầu liệt kê những hàng hoá dự thầu có bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, ghi rõ thời hạn bảo hành kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao).

12. Hạn sử dụng hàng hoá lúc giao hàng còn tối thiểu 2/3 hạn sử dụng của hàng hoá hoặc tối thiểu còn 24 tháng đối với những mặt hàng có tổng thời hạn sử dụng ≥ 36 tháng;

- Đối với hàng hóa không ghi nhãn ngày sản xuất hoặc hạn dùng, năm sản xuất phải từ 2025 trở đi. Trường hợp khác, nhà thầu phải có văn bản giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng và an toàn sản phẩm.

13. Nhà thầu cam kết trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu hỗ trợ kỹ thuật cho chủ đầu tư thông qua hệ thống thông tin liên lạc 24/24h, phản hồi hỗ trợ khắc phục sự cố trong vòng 2h thông qua điện thoại khi nhận được thông báo của chủ đầu tư, trường hợp không thể khắc phục được qua điện thoại, nhà thầu phải có mặt tại địa điểm lắp đặt để khắc phục sự cố trong vòng 24 – 48 giờ. Nếu nhà thầu chậm trễ trong việc tiến hành sửa chữa hoặc không chịu sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền mời đơn vị khác thực hiện, mọi chi phí phát sinh sẽ do nhà thầu chi trả.

14. Nhà thầu cam kết cho đổi trả và cung cấp hàng thay thế (mới 100%) trong trường hợp khi sử dụng phát hiện hàng hóa bị lỗi, không đảm bảo chất lượng (có xác nhận của các bên liên quan) hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của đơn vị sử dụng. Trường hợp hàng hóa không đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc xảy ra nhiều sự cố bất lợi trong quá trình sử dụng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về vật chất hoặc bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng cho người bệnh nếu thiệt hại được xác định do dùng hàng hóa đó gây nên.

15. Nhà thầu cam kết hàng hóa phải được vận chuyển đến Kho chứa Vật tư - Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Địa chỉ: Số 911 Đường 21/4, khu phố Suối Tre, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai, mọi chi phí vận chuyển do nhà thầu chịu. Trường hợp phát hiện hư hỏng do quá trình vận chuyển, phải đổi hàng hoá mới 100%.

16. Nhà thầu cam kết đào tạo cho đơn vị sử dụng (nếu có): Hướng dẫn sử dụng, bảo quản, các lưu ý trong quá trình sử dụng,... cho nhân viên Phòng VT-TBYT, hướng dẫn sử dụng thiết bị đi kèm (nếu có).

17. Trường hợp hàng hóa dự thầu yêu cầu cần thiết bị y tế đặc thù để sử dụng nhưng không phù hợp với thiết bị sẵn có của Bệnh viện, Nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hàng hóa dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Thiết bị cung cấp còn sử dụng tốt, được lưu hành và kiểm định đạt về an toàn và tính năng kỹ thuật bởi Tổ chức kiểm định hoạt động hợp pháp trước khi đưa vào sử dụng, đảm bảo tuân thủ đầy đủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm toàn bộ các chi phí để lắp đặt, triển khai (bao gồm cả việc đào tạo, huấn luyện sử dụng thiết bị; chạy thử, căn chỉnh để thiết bị hoạt động đúng chuẩn của nhà sản xuất quy định), cam kết không thu phí sử dụng thiết bị y tế, tự chi trả chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hiệu chuẩn thiết bị, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Trong thời gian cho Bệnh viện mượn thiết bị y tế để sử dụng hàng hoá trúng thầu, cam kết không cho bệnh viện/cơ sở y tế khác mượn sử dụng chung.

18. Nhà thầu cam kết giao hàng từng đợt trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, cung cấp hàng hóa trong vòng 48 giờ kể từ khi

nhận được đơn đặt hàng từ Bệnh viện (bằng fax, email hoặc điện thoại); riêng đối với vật tư y tế dùng đột xuất trong cấp cứu, chống dịch, trường hợp cấp bách thì bắt buộc giao hàng trong 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Bệnh viện (bằng fax, email hoặc điện thoại).

19. Nhà thầu cam kết không có trường hợp vi phạm quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 3 năm trở lại tính đến thời điểm đóng thầu.

20. Nhà thầu cam kết không có từ 02 hợp đồng trở lên chậm tiến độ hoặc bị phạt do vi phạm hợp đồng, đánh giá về chất lượng thực hiện hợp đồng, chất lượng hàng hóa không đảm bảo chất lượng do lỗi của nhà thầu bị chủ đầu tư đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Điểm a, b, c, Khoản 3, Điều 20, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 3 năm trở lại tính đến thời điểm đóng thầu.

21. Nhà thầu cam kết hàng hóa được đóng gói, vận chuyển đảm bảo đúng yêu cầu về đóng gói và bảo quản của nhà sản xuất và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển hàng từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

22. Nhà thầu thực hiện niêm yết giá, kê khai giá và thực hiện các chính sách về giá hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

23. Hàng hóa cung ứng có nhãn với đầy đủ các thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn hàng hóa, tờ hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt, nhãn phụ (đối với hàng hóa nhập khẩu). Thông tin tại tờ hướng dẫn sử dụng/ catalogue đi kèm với hàng hóa (nếu có) khi cung ứng cho Chủ đầu tư phải thống nhất với nội dung trong tờ hướng dẫn sử dụng, catalogue kèm theo hồ sơ đăng ký đã được Bộ Y tế (hoặc Cơ quan có thẩm quyền) cấp phép và tài liệu đã cung cấp trong E-HSĐT. Trường hợp để xảy ra sai lệch thông tin ảnh hưởng đến chất lượng khi sử dụng, gây ảnh hưởng về sức khỏe, tính mạng và kinh tế của người bệnh cũng như của Chủ đầu tư thì nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

24. Nhà thầu cam kết trường hợp có các phản ánh về chất lượng hàng hoá thực tế trong quá trình sử dụng, nhà thầu phải có biện pháp khắc phục (nếu nhà thầu không có biện pháp khắc phục những phản ánh về chất lượng hàng hoá do người sử dụng phản ánh thì được xem là không đáp ứng về chất lượng hàng hoá).

25. Giá hàng hóa trong trường hợp trúng thầu không cao hơn so với giá hàng hóa (cùng tên thương mại, hãng sản xuất, nước sản xuất) trúng thầu thấp nhất tại các cơ sở y tế công lập khác trong thời gian 6 tháng trước thời điểm đóng thầu hoặc không cao hơn giá niêm yết đã công khai (giá niêm yết tới thời điểm

đóng thầu) theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp giá trúng thầu cho các cơ sở y tế khác hoặc giá niêm yết công khai thấp hơn, thì Nhà thầu phải giảm giá cung cấp cho Chủ đầu tư xuống bằng với giá đó, đồng thời Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả cho Chủ đầu tư số tiền tương đương giá trị chênh lệch và các khoản chi phí phát sinh (nếu có) tương ứng với số lượng hàng hóa đã sử dụng trước đó.

26. Nhà thầu cam kết tuân thủ các quy định về kiểm tra, thử nghiệm, các tài liệu đi kèm khi nghiệm thu hàng hoá theo quy định tại Mục 3, Chương V của E-HSMT.

27. Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các văn bản có yếu tố nước ngoài, các văn bản, catalogue của nhà sản xuất và tài liệu bản dịch tiếng Việt của các văn bản đó. Trong trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cố tình dịch sai, cố tình cung cấp tài liệu sai lệch có chủ đích thì tùy mức độ, tổ chuyên gia có thể loại E-HSĐT của nhà thầu, đánh giá vi phạm và cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin nêu trên. Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung trên trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ các cam kết nêu trên, chúng tôi xin chấp thuận các trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

1.3.4. Hướng dẫn trình bày các file trong E-HSĐT đăng tải trên Hệ thống

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSĐT phải được phân chia riêng biệt theo hướng dẫn như sau:

1. (Folder 1): Tính hợp lệ của nhà thầu (tách từng file)

- (File 1) Bảo đảm dự thầu + tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký thư bảo lãnh (trường hợp nhà thầu cung cấp thư bảo lãnh dự thầu).
- (File 2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- (File 3) Tài liệu chứng minh nhà thầu đã hoàn thành thủ tục công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (đối với cơ sở sản xuất) hoặc đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế (đối với cơ sở kinh doanh) + đường link hồ sơ được công bố trên cổng thông tin của Bộ Y tế.
- (File 4) Thoả thuận liên danh (nếu có).

- (File 5) Giấy uỷ quyền (nếu có).

2. (Folder 2): Năng lực kinh nghiệm (tách từng file)

* **(Folder 2.1):** Tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế (tách từng file)

- (File 1) Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh).

- (File 2) Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

* **(Folder 2.2):** Năng lực tài chính (tách từng file)

- (File 1) Báo cáo tài chính năm 2023 (cung cấp đầy đủ các tài liệu theo hướng dẫn tại ghi chú số 2, mẫu số 08, chương IV)

- (File 2) Báo cáo tài chính năm 2024 (cung cấp đầy đủ các tài liệu theo hướng dẫn tại ghi chú số 2, mẫu số 08, chương IV)

- (File 3) Báo cáo tài chính năm 2025 (cung cấp đầy đủ các tài liệu theo hướng dẫn tại ghi chú số 2, mẫu số 08, chương IV)

* **(Folder 2.3):** Tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự hoặc tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (tách từng file)

- Hợp đồng tương tự 1, bao gồm các file riêng:

+ Hợp đồng tương tự (có bảng giá ký hợp đồng), Phụ lục hợp đồng (nếu có);

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc văn bản xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư;

+ Hóa đơn GTGT;

+ Tờ khai hải quan (trong trường hợp chứng minh mã HS)

- Hợp đồng tương tự 2,.....

Hoặc:

- Tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa nếu nhà thầu là nhà sản xuất (Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng hoặc 1 năm; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất).

3. (Folder 3): Kỹ thuật (tách từng file)

* **(Folder 3.1):** Tài liệu chung

- (File 1) Các cam kết.

- (File 2) Bảng kê khai dữ liệu hàng hóa dự thầu.
- (File 3) Bảng kê khai cấu hình, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu.
- ... và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Đối với hàng hóa dự thầu: nhà thầu lập các folder riêng cho từng mặt hàng hoặc các mặt hàng dự thầu có cùng hãng sản xuất hoặc cùng tài liệu pháp lý, trong mỗi folder đề nghị nhà thầu tách riêng các file tài liệu và đánh số thứ tự mặt hàng theo E-HSMT, ví dụ:

* **(Folder 3.2):** Mã phần lô:.....; Tên phần lô:.....

- (File/Folder 1) Bản kết quả phân loại thiết bị y tế + Đường link bản phân loại trên cổng thông tin của Bộ Y tế.

- (File/Folder 2) Số đăng ký lưu hành hoặc Số giấy phép nhập khẩu hoặc Số công bố tiêu chuẩn áp dụng (bao gồm: Phiếu tiếp nhận/Phiếu thông tin hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu v.v...).

- (File/Folder 3) Chứng nhận chất lượng (bao gồm: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA...hoặc tương đương).

- (Folder 4) Catalogue/Tài liệu kỹ thuật hoặc tài liệu tương đương (bao gồm tiếng Anh và tiếng Việt).

- (File/Folder 5) Hình ảnh hàng hoá.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có)....

Lưu ý:

- Đề nghị nhà thầu tách riêng từng file tài liệu kỹ thuật (catalogue/Tài liệu kỹ thuật), không gộp chung tất cả tài liệu kỹ thuật vào 1 file. Yêu cầu đặt tên file đúng theo tên tài liệu dùng để tham chiếu trong Bảng 2. Bảng kê khai cấu hình, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu và dùng công cụ đánh dấu (highlight) lên các nội dung kỹ thuật cụ thể chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu.

- Đối với hàng hoá dự thầu không phải thiết bị y tế, nhà thầu thay thế file 1, file 2 bằng tài liệu chứng minh hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam. (Vd: Tiêu chuẩn cơ sở/ Số công bố sản phẩm, Số lưu hành sản phẩm/ Tờ khai hải quan chứng minh hàng hóa được nhập khẩu hợp pháp vào thị trường Việt Nam hoặc Phiếu xuất xưởng, Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đối với hàng hóa trong nước hoặc tài liệu tương đương).

* **(Folder 3.3):** Mã phần lô:.....; Tên phần lô:..... (tương tự như trên).

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm, đối với toàn bộ hàng hóa cung cấp để khẳng định các hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Trong trường hợp Chủ đầu tư có nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, hai bên tiến hành thử nghiệm tại một phòng thí nghiệm/ trung tâm kiểm định đạt tiêu chuẩn do Chủ đầu tư chỉ định. Nhà thầu sẽ chịu mọi chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác đồng thời Chủ đầu tư có quyền từ chối không nhận hàng hóa cho đến khi có kết quả thử nghiệm.

- Trường hợp hàng hoá nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và/hoặc nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hoá khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hoá không phù hợp đó, trong vòng 10 ngày sau khi nhận được khiếu nại của chủ đầu tư.

- Sau khi hoàn thành các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

- Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới địa điểm nhận của Bên mua hoặc khi có yêu cầu của Bên mua.

- Địa điểm kiểm tra: Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh (Hàng hóa đã được bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển, đã được đưa ra khỏi thùng hàng và được phân loại rõ ràng).

- Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra giám sát, tối thiểu theo các nội dung sau:

+ Kiểm tra các tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy phạm liên quan đến hàng hoá.

+ Kiểm tra tính hợp lệ của hàng hóa (CO, CQ, hóa đơn nhập khẩu, vận đơn vận chuyển, phiếu đóng gói hàng hóa, tờ khai hải quan, năm sản xuất, chứng từ nhập khẩu và các tài liệu liên quan...).

+ Kiểm tra tình trạng vận chuyển, đóng gói nguyên vẹn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, không bị lỗi ngoại quan. Nếu phát hiện hư hỏng thì lập biên bản hiện trường.

+ Kiểm tra chất lượng và số lượng hàng hoá.

+ Kiểm tra và bàn giao cho bên sử dụng: catalogue, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản, hồ sơ kỹ thuật, chứng từ liên quan (các tài liệu tiếng Anh phải kèm theo bản dịch tiếng Việt).

- Chủ đầu tư chỉ đồng ý nghiệm thu khi hàng hoá bàn giao đáp ứng theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

- Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng (bao gồm cả thời gian thay thế hàng hoá do lỗi của nhà sản xuất hoặc hàng hoá kiểm tra, thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu) thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 10%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.

- Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hàng hoá hoặc hàng hoá thay thế vẫn không đáp ứng theo yêu cầu của hợp đồng, thì theo thứ tự ưu tiên; một là Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hoá và chấm dứt hợp đồng; hai là Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hàng hoá khác có thể giá cao hơn, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.

PHỤ LỤC - DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI THẦU

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
1	PP2600 205459	Bàn chải phẫu thuật chưa tiệt trùng	Bàn chải phẫu thuật chưa tiệt trùng	<p>1. Thân bàn chải: nhựa PP màu trắng</p> <p>2. Lông bàn chải: nylon mềm màu đen</p> <p>Hàng cọ rửa móng tay nằm mặt trên bàn chải</p> <p>Hàng bàn chải chính nằm ở mặt dưới của bàn chải</p> <p>Kích thước bàn chải : 10.5 x 4 x 3 cm</p> <p>Mục đích sử dụng: Vệ sinh cánh tay, bàn tay, móng tay của nhân viên y tế trước khi phẫu thuật</p>	Cái	200	Cái/hộp	
2	PP2600 205460	Băng đựng hydrogen peroxyd máy STR 100S	Băng đựng hydrogen peroxyd máy STR 100S	<p>- Băng đựng hóa chất H₂O₂ dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100S</p> <p>- Mỗi băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 1,8ml H₂O₂ 58%</p> <p>- Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO, CFG do FDA Mỹ cấp hoặc tương đương</p>	Băng	800	Hộp/5 băng	
3	PP2600 205461	Băng keo chỉ thị ComplyGAS plasma dùng trong tiệt	Băng keo chỉ thị ComplyGAS plasma dùng trong tiệt	<p>Đạt chuẩn: CE, ISO hoặc tương đương</p> <p>Được làm từ chất liệu giấy crepe, giấy ba chiều. Các đường sọc được in với các chất chỉ thị khử trùng đổi màu từ Màu Xanh chuyển sang Đỏ khi tiếp xúc với hơi</p>	Cuộn	20	Cuộn/túi	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
		khuẩn plasma KT 19mm x 50m	khuẩn plasma KT 19mm x 50m	hydrogen peroxide trong quá trình tiệt khuẩn - Tương thích với máy Sterrad - Chu trình tiệt khuẩn với Nhiệt độ từ: 50-55°C - Thời gian một chu kỳ: 55 - 75 phút				
4	PP2600 205462	Băng keo nhiệt độ	Băng keo nhiệt độ	Đạt chuẩn: CE, ISO hoặc tương đương - Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu nhiệt độ cao, không chứa chì - Theo dõi tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước ở nhiệt độ từ 121°C là 15 phút - 134°C là 3,5 phút - Chỉ thị đổi màu thể hiện rõ nét từ Vàng sang màu Đen	Cuộn	1.500	Cuộn/túi	
5	PP2600 205463	Bao cao su	Bao cao su	- Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, Latex li tâm 2 lần, loại bỏ các chất gây dị ứng như Nitrosamines amins, các proteine, độc tố v.v, độ dày đồng đều, màu sắc tự nhiên, bề mặt mịn, mềm mại, có se viền, bền, không rách, độ co giãn tốt, không bị	Cái	28.000	Hộp/144 cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				dị ứng khi sử dụng. Được bôi trơn bằng dầu silicone + Chiều rộng: $52 \pm 2\text{mm}$ + Chiều dài (min): 170 mm + Chiều dày một lớp: $0.065 \pm 0.010\text{mm}$				
6	PP2600 205464	Bao vải + Túi hơi huyết áp nhi các cỡ	Bao vải + Túi hơi huyết áp nhi các cỡ	Phụ tùng thay thế cho huyết áp kế Bao vải bền, mềm mại; ruột (túi hơi) cao su/PVC chịu áp lực cao.	Cái	100	Bao vải+ túi hơi	
7	PP2600 205465	Bao vải huyết áp kế	Bao vải huyết áp kế	Phụ kiện thay thế trong dụng cụ đo huyết áp, chất liệu vải bền, mềm mại - Kích thước: 51x15 cm ($\pm 1,5\text{cm}$)	Cái	4.000	Gói/cái	
8	PP2600 205466	Bình dẫn lưu màng phổi	Bình dẫn lưu màng phổi	Công dụng: Dùng để hút và chứa chất dịch - Chất liệu: nhựa PVC - Bao gồm một ống hút gió, một ống hàng và một ống cột kết nối với một ống tiêm. Một bộ động cơ được bố trí để vận hành ống tiêm trong khi cảm biến mức chất lỏng trong ống cột, trong đó ống tiêm có thể được trao đổi để cung cấp khối lượng gia tăng của các dịch cho bệnh nhân - Kích thước: 1600ml	Bình	600	Gói/Bình	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				- Chiều dài ống tối thiểu: 0.8m				
9	PP26002 05467	Bình làm ẩm oxy các cỡ	Bình làm ẩm oxy các cỡ	<p>Chức năng: Bình được sử dụng để biến chất lỏng hoặc thuốc dạng lỏng thành các hạt nhỏ hơn để đưa vào mũi, cổ họng hoặc phổi của bệnh nhân qua đường mũi, đường miệng hoặc đường thở</p> <p>Khử trùng bằng Ethylene oxide</p> <p>Cỡ: 100ml</p> <p>Đóng gói: Túi PP</p> <p>GT016-600/W3 : Nắp nhựa ; GT016-600/W6: Nắp kim loại</p>	Cái	600	Cái	
10	PP2600 205468	Bộ gây mê giúp thở	Bộ gây mê giúp thở	<p>Mặt nạ PVC, Cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh</p> <p>Thể tích túi hồi sức: 1600 ml ± 200ml; 550 ml ± 200ml; 340 ml ± 100ml</p> <p>Thể tích túi dự trữ: 2000ml; 1600 ml</p> <p>Van giới hạn áp suất: 40~60 cmH₂O; 35~50 cmH₂O; 30~45 cmH₂O</p> <p>Khoảng chết (khoảng trống bệnh nhân): ≤ 65ml; ≤ 25ml; ≤ 7ml</p> <p>Kích cỡ (dài x rộng): 320mmx132mm; 245mmx95mm; 240mmx75mm</p>	Bộ	10	Bộ	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<p>Thể tích nhất bóp (một tay): ≥ 600 ml; ≥ 150 ml; ≥ 20 ml</p> <p>Nồng độ oxy ($\geq 85\%$)</p> <p>Tần suất dòng chảy: 12 BPM; 25 BPM; 20BPM</p> <p>Tốc độ: 15L/min</p> <p>Thể tích khí lưu thông: 600ml; 150ml; 60ml</p>				
11	PP2600 205469	Bo huyết áp kế cơ	Bo huyết áp kế cơ	Bo cao su dùng để thay thế trong máy đo huyết áp kế đồng hồ	Cái	500	1 Cái/gói	
12	PP2600 205470	Bộ rửa dạ dày	Bộ rửa dạ dày	<p>Hỗ trợ trong việc súc rửa dạ dày bằng hệ thống khép kín</p> <p>Làm từ mũ cao su tự nhiên, được đóng gói riêng lẻ trong túi từng cái</p> <p>Có 2 size: Người lớn (28mm), nhỏ (22mm)</p>	Bộ	600	Gói/bộ	
13	PP2600 205471	Bộ sản phẩm kiểm tra máy hấp - Bowie Dick Test Sheet 134°C	Bộ sản phẩm kiểm tra máy hấp - Bowie Dick Test Sheet 134°C	<p>Đạt chuẩn: EC, ISO hoặc tương đương</p> <p>- Theo dõi tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước ở nhiệt độ từ 121°C là 15 phút - 134°C là 3,5 phút</p> <p>- Chuyển màu rõ rệt và chính xác</p>	Tờ	4.200	50 Tờ/hộp	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				- Thay đổi màu sắc rõ ràng từ Màu Xanh chuyển sang Màu Đen				
14	PP2600 205472	Bóng đèn hồng ngoại	Bóng đèn hồng ngoại	Bóng màu đỏ, công suất cực đại 220V/50Hz-250W Đuôi đèn tiêu chuẩn Châu Âu E27 hoặc tương đương	Cái	100	Hộp/cái	
15	PP2600 205473	Catheter bơm tinh trùng trong kỹ thuật IUI	Catheter bơm tinh trùng trong kỹ thuật IUI	Dùng để bơm tinh trùng vào buồng tử cung - Nguyên liệu: làm bằng nhựa - Kích thước: Chiều dài toàn bộ: 230 mm (\pm 2mm) Chiều dài nòng bơm (không tính cán): 200mm Đường kính ống bơm: 2mm (\pm 0.05mm) - Dung tích tối thiểu: 0.080ml - Tiệt trùng từng cây bằng ETO - Quy cách: 25 cái/ hộp, 01 cái/ gói - Đã được kiểm tra chất lượng bằng các test MEA (đã test thử nghiệm trên phôi chuột), LAL (đã test định lượng nồng độ độc tố) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	Cái	50	25 Cái/hộp	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				- Là Trang thiết bị y tế đã được đăng ký lưu hành tại Việt Nam, nên để đảm bảo nguồn gốc chất lượng hàng hoá và sự an toàn đối với sức khỏe bệnh nhân, thì mặt hàng này cần phải được nhập khẩu chính hãng bởi đơn vị chịu trách nhiệm đăng ký lưu hành, và cung cấp cho Bệnh viện bởi nhà cung cấp đã được uỷ quyền hợp pháp từ đơn vị chịu trách nhiệm đăng ký lưu hành				
16	PP2600 205474	Catheter lọc máu 2 nòng, cỡ 14.5 Fr	Catheter lọc máu 2 nòng, cỡ 14.5 Fr	<p>Catheter đường hầm dùng trong lọc máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng dòng máu trung bình: 333 – 392 mL/phút - Chỉ số Kt/V trung bình duy trì ≥ 1.5 - Chất liệu bằng Polyurethane có cản quang - Thiết kế ống thông double "D", có cản quang - Thiết kế đầu ống đôi xứng giúp giảm nguy cơ tổn thương tiểu cầu do lực cắt dòng chảy (shear stress), từ đó giúp giảm khả năng hình thành huyết khối trên bề mặt ống thông. 	Cái	140	Cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<p>- Đầu ống thôn nhẹ giúp dễ luồn qua dây dẫn (guidewire)</p> <p>- Thiết kế có vòng bít chống đi ngược dòng.</p> <p>- Ống thông luồn SmartSeal có van khóa khí tự động và van cầm máu kép (Van ngoài đóng vai trò là lớp bảo vệ đầu tiên, giúp ngăn ngừa rò rỉ máu và không khí - Van trong đảm nhiệm chức năng cầm máu chính, đồng thời tăng cường khả năng hỗ trợ và tối ưu hiệu quả bịt kín)</p> <p>- Kích thước: Chiều dài từ đầu tip đến cuff từ 19 đến 55cm, đường kính 15Fr</p> <p>Catheter bao gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1 ống thông (catheter) • 1 cây thông luồn SmartSeal™ có van chống trào • 1 dây dẫn lò xo (spring wire guide) • 1 kim chọc (introducer needle) • 1 que nong mô 12 Fr • 1 que nong mô 14 Fr • 2 nắp khóa Luer (luer lock caps) 				

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> • 1 cốc thu gom vật sắc nhọn có khóa SharpsAway™ II • 1 dụng cụ tạo đường hầm (tunneler) • 1 dao mổ an toàn (safety scalpel) • 1 thẻ định danh bệnh nhân (patient ID card) • 1 băng dán Tegaderm® 				
17	PP2600 205475	Cây dẫn đường đặt nội khí quản Bougie	Cây dẫn đường đặt nội khí quản Bougie	<ul style="list-style-type: none"> - Cỡ 6FR, 10Fr; 15Fr đầu tip thẳng - Chất liệu PE, dài 53.5cm - 70cm, 3 kích cỡ, 2 loại đầu và 1 loại có lỗ thông khí, đáp ứng các nhu cầu sử dụng khác nhau - Chất liệu polyethylene mật độ thấp giúp duy trì hình dạng tốt, có khả năng ghi nhớ và định hình theo nhu cầu cá nhân - Đầu nối 15 mm tuân thủ tiêu chuẩn ISO 5356-1, dùng để thông khí hệ thống hô hấp trong quá trình đặt nội khí quản - Thước đo độ sâu cung cấp chỉ thị rõ ràng bằng mắt - Tiêu chuẩn: ISO, FDA hoặc tương đương - Tiệt trùng từng cái 	Cái	50	Cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
18	PP2600 205476	Chỉ thép mềm Đk 0,4- 1,2mm, cuộn 5m	Chỉ thép mềm Đk 0,4- 1,2mm, cuộn 5m	Chỉ thép được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính chỉ từ 16SWG - 30SWG (đường kính từ 0,3 - 1,6mm, cuộn 3,3m) . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	100	1 Cuộn/ gói	
19	PP2600 205477	Chỉ thị sinh học cho hấp Plasma/VH2 O2 cho kết quả trong 30 phút	Chỉ thị sinh học cho hấp Plasma/VH2 O2 cho kết quả trong 30 phút	<p>Chỉ thị sinh học kiểm tra chất lượng quá trình tiệt khuẩn bằng hydrogen peroxide.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho kết quả trong 24 phút khi được ủ trong thiết bị 3M Attest Auto-reader 490/490M • Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> - Bào tử Geobacillus stearothermophilus - Ống chứa môi trường sinh trưởng - Sọc chỉ thị hóa học trên đỉnh nắp sẽ chuyển màu khi tiếp xúc với hydrogen peroxide trong quá trình tiệt khuẩn • Kiểm soát chất lượng gói dụng cụ của các máy và chu trình tiệt khuẩn Hydrogen Peroxide • Sọc chỉ thị hóa học trên đỉnh nắp sẽ chuyển từ màu xanh dương sang màu hồng 	Ống	4.000	50 Ống/hộp	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<p>khi tiếp xúc với hydrogen peroxide trong quá trình tiệt khuẩn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Peptone Phytone 1-2%, Dải bào tử Geobacillus Stearothermophilus <0.01%, Nước >95%, Môi trường nuôi cấy <5% • Đạt tiêu chuẩn CFG (do FDA cấp) và ISO 13485-2016 hoặc tương đương 				
20	PP2600 205478	Đai treo tay túi	Đai treo tay túi	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữ tay ở trạng thái nghỉ. Hỗ trợ cố định sau khi bó bột hay sau phẫu thuật cánh tay hoặc cẳng tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải lưới thoáng khí, dây đai và khóa nhựa, băng nhám dính và mút mềm - Thiết kế hình túi nâng đỡ tay, có dây đai quấn qua vai và cổ giúp nâng đỡ tay. Trong túi có khóa để giữ ngón tay cái, hệ thống khóa nhựa giúp điều chỉnh và tháo lắp dễ dàng 	Cái	1.600	Gói/cái	
21	PP2600 205479	Đai vai trái, phải các số	Đai vai trái, phải các số	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định, ổn định khớp vai 	Cái	1.200	Gói/cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				Vật liệu: - Vải dệt kim, vải lưới mềm có lỗ thoáng khí. Băng nhám dính, dây đai và mút mềm. Đai vai phải, trái co giãn tốt, bọc vải cotton, dán xé dài				
22	PP2600 205480	Đai xương đòn các số	Đai xương đòn các số	Chức năng: - Neo ép, cố định xương đòn - Teo cơ delta, cơ ức - đòn - chũm - Cố định chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn - Vỡ xương bả vai, trật khớp ức - đòn Vật liệu: - Vải cotton, mút xốp - Khóa Velcro	Cái	2.000	Gói/cái	
23	PP2600 205481	Đầu col trắng	Đầu col trắng	Đặc tính sản phẩm: Thể tích: 10 μ L; 200ul; 300ul; 1000ul Độ bám dính mẫu (Low retention) thấp, bề mặt bên trong kỵ nước giảm thiểu sự hình thành màng bên trong đầu tip Không tiết trùng Chiều dài: 4.6cm; 5.1 cm; 5.8cm; 8,9cm	Cái	20.000	1000 Cái/gói	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				Màu: Trắng trong tự nhiên - Chất liệu: polypropylene - Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen				
24	PP2600 205482	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng	Chất liệu: Polypropylene, phù hợp với các loại Micropipet thông thường. Đầu hút nhọn, không chứa kim loại Đầu côn có thiết kế ôm kín đầu cây Micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipet, độ dài ≥ 4 cm. Đầu côn vàng dùng hút hóa chất và mẫu bệnh phẩm. Thể tích khoảng 200ul ($\pm 5\%$)	Cái	160.000	1000 Cái/túi	
25	PP2600 205483	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh được sản xuất bằng nhựa PP chính phẩm chất lượng cao không chứa kim loại, thiết kế phù hợp với các cây Pipet trên thị trường. Dùng kèm với pipet hút, để hút dung dịch mẫu chất, dung dịch hóa học trong nghiên cứu, y tế thực hành hóa lý sinh	Cái	120.000	500 Cái/túi	
26	PP2600 205484	Đầu cone 1000ul có lọc tiệt trùng	Đầu cone 1000ul có lọc tiệt trùng	Đầu tip 1000 μ l có lọc, tiệt trùng, giảm bám dính, tương thích với nhiều loại micropipette; Đặc tính sản phẩm: Chất liệu: polypropylene; Sạch với: DNA,	Cái	10.000	96 Cái/hộp	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<p>DNase, RNase, Pyrogen. Ngoài ra còn sạch với nội độc tố Endotoxin và ATP, chất ức chế phản ứng PCR và Bioburden. Mức đảm bảo tiệt trùng (SAL): 10^{-6}. Màu: Trắng trong tự nhiên</p> <p>Chất liệu màng lọc: UHMW Polyethylene, kích thước lỗ trung bình của màng lọc $14\mu\text{m} \pm 3$</p> <p>Độ sạch cao: Axit Deoxyribonucleic (DNA): $< 30 \text{ pg}$; Ribonuclease (RNase): $< 10^{-9}$ Đơn vị Kunitz/μl; Deoxyribonuclease (DNase): $< 10^{-7}$ Đơn vị Kunitz/μl; Chất ức chế PCR: không có</p> <p>Nội độc tố (Pyrogen) $< 0,06 \text{ EU/ml}$; Adenosine-5'-triphosphate (ATP) $< 10^{-13} \text{ mg}/\mu\text{l}$; Mức đảm bảo tiệt trùng cho các sản phẩm tiệt trùng được đảm bảo bằng cách chiếu xạ sản phẩm này theo hướng dẫn của ANSI/AAMI/ISO 11137-2006; Chiều dài: 8,9cm; Chia vạch ở thể tích 100, 200, 500, 1000 μl</p>				

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
27	PP2600 205485	Đầu cone 10ul có lọc tiệt trùng	Đầu cone 10ul có lọc tiệt trùng	<p>Đầu tip 10µl có lọc, tiệt trùng, giảm bám dính, tương thích với nhiều loại micropipette; Đặc tính sản phẩm: Chất liệu: polypropylene; Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen. Ngoài ra còn sạch với nội độc tố Endotoxin và ATP, chất ức chế phản ứng PCR và Bioburden</p> <p>Chất liệu màng lọc: UHMW Polyethylene, kích thước lỗ trung bình của màng lọc $14\mu\text{m} \pm 3$</p> <p>Mức đảm bảo tiệt trùng (SAL): 10^{-6}. Màu: Trắng trong tự nhiên</p> <p>Độ sạch cao: Axit Deoxyribonucleic (DNA): < 30 pg; Ribonuclease (RNase): < 10^{-9} Đơn vị Kunitz/µl; Deoxyribonuclease (DNase): < 10^{-7} Đơn vị Kunitz/µl; Chất ức chế PCR: không có Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml; Adenosine-5'-triphosphate (ATP) < 10^{-13} mg/µl; ; Mức đảm bảo tiệt trùng cho các sản phẩm tiệt trùng được đảm bảo bằng cách chiếu xạ sản phẩm này theo hướng dẫn của ANSI/AAMI/ISO 11137-2006;</p>	Cái	20.000	96 Cái/hộp	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				Độ bám dính thấp; Chiều dài: 4,6cm; Chia vạch ở thể tích 2, 5, 10, 20 μ l				
28	PP2600 205486	Đầu cone 20ul có lọc tiệt trùng	Đầu cone 20ul có lọc tiệt trùng	<p>Đầu tip 20μl có lọc, tiệt trùng, giảm bám dính, tương thích với nhiều loại micropipette; Đặc tính sản phẩm: Chất liệu: polypropylene; Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen. Ngoài ra còn sạch với nội độc tố Endotoxin và ATP, chất ức chế phản ứng PCR và Bioburden</p> <p>Chất liệu màng lọc: UHMW Polyethylene, kích thước lỗ trung bình của màng lọc 14μm \pm 3</p> <p>Mức đảm bảo tiệt trùng (SAL): 10⁻⁶. Màu: Trắng trong tự nhiên</p> <p>Độ sạch cao: Axit Deoxyribonucleic (DNA): < 30 pg; Ribonuclease (RNase): < 10⁻⁹ Đơn vị Kunitz/μl; Deoxyribonuclease (DNase): < 10⁻⁷ Đơn vị Kunitz/μl; Chất ức chế PCR: không có Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml; Adenosine-5'-triphosphate (ATP) < 10⁻¹³ mg/μl; ; Mức đảm bảo tiệt trùng cho các sản phẩm tiệt trùng được đảm bảo bằng</p>	Cái	10.000	96 Cái/hộp	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				cách chiếu xạ sản phẩm này theo hướng dẫn của ANSI/AAMI/ISO 11137-2006; Độ bám dính thấp; Chiều dài: 5,1cm				
29	PP2600 205487	Dây cưa sọ não	Dây cưa sọ não	Dây cưa sọ não, chất liệu thép không gỉ, dài từ 300 - 600mm, tiêu chuẩn ISO	Sợi	400	1 Sợi/gói	
30	PP2600 205488	Dây Penrose	Dây Penrose	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không mùi, màu sắc tự nhiên, không gây dị ứng - Dùng để dẫn lưu dịch trong cơ thể ra ngoài - Tiệt trùng bằng khí EO. Chỉ sử dụng 1 lần - Chiều dài 290 ± 10mm, chiều rộng 25 ± 1mm, chiều dày 01 lớp $\geq 0,15$mm 	Sợi	600	1 Sợi/gói	
31	PP2600 205489	Đồng hồ oxy	Đồng hồ oxy	<p>Áp suất đầu vào: 150bar Van an toàn: $3.5\text{bar} \pm 0.5\text{bar}$ Công dụng: Cung cấp oxy Đối tượng: Tất cả Loại khí: Oxy Áp suất đầu ra: 2bar-3bar Phạm vi lưu lượng kế: 1L / phút -10L / 15L / phút</p>	Cái	100	Hộp/1 cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				Chức năng: Cung cấp oxy Màn hình LCD: Không				
32	PP2600 205490	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cắn	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cắn	Sản phẩm bao gồm các thành phần sau: - Hai miếng dán cố định hai bên má bệnh nhân, bằng chất liệu hydrocolloid (Thành phần Flexextend Skin Barrier bao gồm: PIB, Pectin, CMC, và SIS; Flexextend trong đó có thành phần PIB, Pectin và CMC (Carboxymethylcellulose) là Hydrocolloid) có độ pH giống như da, không gây dị ứng - Sử dụng chất liệu thân thiện với làn da (latex-free) - Thời gian sử dụng trung bình 5-7 ngày - Dễ dàng vệ sinh răng miệng thường quy, giúp giảm thiểu viêm phổi liên quan đến giúp máy thở - Băng cố định vùng gáy - Phần cố định nội khí quản, có thể di chuyển được, tránh gây loét môi cho bệnh nhân	Cái	300	Thùng/1 2 cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Có bộ phận chống cản ống nội khí quản, kích cỡ từ 5.0mm đến 10.0mm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, FDA hoặc tương đương 				
33	PP2600 205491	Dung dịch làm sạch máy thận nhân tạo axit citric	Dung dịch làm sạch máy thận nhân tạo axit citric	Chất lỏng chứa: <ul style="list-style-type: none"> - Axit Citric 45%-55% - Axit lactic 0.6-0.8% - Nước tinh khiết Công dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Làm sạch và khử khuẩn máy lọc thận nhân tạo - Loại bỏ các vi khuẩn hiệu quả ở nhiệt độ trên 80 độ C 	Can	400	Can/5 lít	
34	PP2600 205492	Eppendoft 2ml	Eppendoft 2ml	Ống nghiệm nắp bật (Eppendorf) 1.5ml; 2ml	Cái	20.000	Cái/gói	
35	PP2600 205493	Gạc vaselin 65 mm x 190 mm	Gạc vaselin 65 mm x 190 mm	Bao gồm vải cotton, dầu parafin, vaselin. Có màu trắng, không có mùi lạ, gạc được tẩm Parafin. Màu trắng đồng nhất không mốc hay mùi lạ Kích thước 65mmx190mm	Miếng	14.000	Gói/ miếng Hộp/10 miếng	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
36	PP2600 205494	Găng kiểm tra dùng trong y tế không bột các cỡ	Găng kiểm tra dùng trong y tế không bột các cỡ	<p>- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không phủ bột, găng được phủ một lớp Polymer chống dính, không gây kích ứng da, đàn hồi tốt. Chưa tiệt trùng. Không phân biệt tay trái tay phải. Dùng để thăm khám và chẩn đoán bệnh</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài (min): 240 mm - Chiều dày 1 lớp (min): 0.08 mm - Chiều rộng: size S: 80±10mm; size M: 95±10mm. size L: 111±10mm <p>Cường lực kéo đứt: Trước già hóa: ≥ 7N, sau già hóa: ≥ 6N</p> <p>- Độ dẫn dài: Trước già hóa: ≥ 650%, sau già hóa: ≥ 500%</p>	Đôi	10.000	Hộp/50 đôi	
37	PP2600 205495	Giấy gói dùng cho tiệt khuẩn Plasma 120cmx120c m	Giấy gói dùng cho tiệt khuẩn Plasma 120cmx120c m	<p>Đạt chuẩn: CE, ISO hoặc tương đương</p> <p>Được cấu tạo từ chất liệu vải không dệt y tế chất lượng cao, trong đó kết hợp cường độ cao, có khả năng chống thấm nước tốt nhất và là hàng rào ngăn cản vi sinh vật</p> <p>- Chu trình tiệt khuẩn :</p>	Tờ	9.000	100 Tờ/hộp	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				+ Steam: 15 phút ở 121°C - 3,5 phút ở 134°C + EO : 54°C/40 phút -37°C /100 phút + Plasma : 50-55°C, Thời gian một chu kỳ: 55 - 75 phút				
38	PP2600 205496	Giấy in 2 lớp dùng cho máy Sterrad 100S	Giấy in 2 lớp dùng cho máy Sterrad 100S	- Giấy in 2 lớp dùng in kết quả xét nghiệm máy STERRAD 100S - Chiều rộng cuộn giấy: 76mm - Chiều dài: 30.48m	Cuộn	40	Hộp/1 cuộn	
39	PP2600 205497	Giấy monitor 50mm * 100mm * 300 (không sọc)	Giấy monitor 50mm * 100mm * 300 (không sọc)	Giấy điện tim 1 cần N.K. FQW 50-3-100 (giấy trắng không sọc) hoặc tương đương, tương thích với máy Nihon Kodan đang sử dụng tại bệnh viện Được sản xuất từ bột giấy, không chứa các chất clo và carbon, được xử lý bằng lớp phủ nhạy nhiệt trên cùng, có độ bám mực tốt và in rõ nét <ul style="list-style-type: none"> • Bề mặt giấy nhẵn mịn • Cắt khuôn chuẩn, giảm hư hại cho đầu máy in • Đường sọc lưới và vạch cảm biến chính xác 	Xấp	10	1 Xấp/gói	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> • Không nhăn • Cho bản in nhanh, đậm, rõ nét • Dạng xấp gần chữ Z • Kích thước: 50 mm × 100 mm × 300 tờ (sai số: ±1 mm) • Sọc lưới: trắng trơn, không sọc • Đóng gói: 100 xấp / thùng 				
40	PP2600 205498	Giấy thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế 1,5cm x 20cm	Giấy thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế 1,5cm x 20cm	<p>Đạt chuẩn: EC, ISO hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Que test chỉ thị hoá học class 4 (Type 4) giúp kiểm tra quá trình tiếp xúc hơi nước bằng 2 thông số: nhiệt độ và thời gian tiệt trùng của gói dụng cụ - Theo dõi tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước ở nhiệt độ từ 121°C là 15 phút - 134°C là 3,5 phút - Thay đổi màu sắc rõ ràng từ Màu Xanh chuyển sang Màu Đen 	Miếng	78.000	200 Miếng/hộp	
41	PP2600 205499	Hộp đựng lam kính	Hộp đựng lam kính	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hộp: 25.4mm x 76.2mm, 100cái/hộp - Có vách ngăn giữa các vị trí trữ lam 	Hộp	50	Hộp 100 vị trí	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
42	PP2600 205500	Hộp hủy kim 1,5l	Hộp hủy kim 1,5l	Sản xuất từ nhựa HDPE chính phẩm - Dung tích 1,5 lít dạng hình hộp đáy vuông - Chiều dày 1mm±0,2 chiều dài đáy hộp 99mm ±2, chiều rộng đáy 99mm ±2, chiều cao hộp 192mm ±2, bề mặt nhẵn màu vàng	Cái	1.000	Bao/50 cái	
43	PP2600 205501	Khí AirMAC	Khí AirMAC	- Dùng cho máy Plasma lạnh PlasmaMED * Thành phần: - Bao gồm Argon độ tinh khiết 99,9995% - H ₂ O: < 3 ppm; N ₂ < 5 ppm; Oxygen < 2 ppm * Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm dung tích 8 lít - Kích thước: 159 x 8 x 615 (mm) - Kích thước bao gồm quai xách: 159 x 8 x 730 (mm) - Áp suất an toàn của bình chứa: 250Bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130Bar - Thể tích khí trong bình (Khi giải nén): 1.040 lít	Bình	2.000	Khí nén trong bình hợp kim nhôm dung tích 8 lít	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<p>* Chuẩn kết nối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 – 6 mm - Giao diện nối điện tử: HDMI <p>* Sản phẩm là hỗn hợp khí trong bình, không bao gồm vỏ bình và các bộ phận đi kèm</p>				
44	PP2600 205502	Kim khâu tam giác (size 7x17; 9x24)	Kim khâu tam giác (size 7x17; 9x24)	Được sản xuất từ thép carbon, đầu kim nhọn	Cái	2.000	Gói/10 cái	
45	PP2600 205503	Kim khâu tròn 7x17; 9x24	Kim khâu tròn 7x17; 9x24	Được sản xuất từ thép carbon, đầu kim nhọn	Cái	2.000	Gói/10 cái	
46	PP2600 205504	Lam kính 7105 đầu nhám	Lam kính 7105 đầu nhám	<p>Lam kính hình chữ nhật trong suốt có phần đầu được làm nhám (phần nhám dùng ghi tên bệnh nhân). Vật liệu cấu thành: kính. Kích thước 25,4 x 76,2mm; độ dày: 1,0 – 1,2mm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương</p>	Hộp	1.000	Hộp/72 cái	
47	PP2600 205505	Lamel 22*22mm	Lamel 22*22mm	Kích thước: 22mm x 22mm	Hộp	30.000	Hộp 100 miếng	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
48	PP2600 205506	Lọ đựng bệnh phẩm 50ml nắp đỏ, có nhãn tiết trùng	Lọ đựng bệnh phẩm 50ml nắp đỏ, có nhãn tiết trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml - Kích thước: Chiều cao 65mm, đường kính 34mm - Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong - Tiết trùng bằng tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 	Lọ	20.000	100 Lọ/ Bịch	
49	PP2600 205507	Lọ đựng bệnh phẩm 55ml nắp trắng, có nhãn	Lọ đựng bệnh phẩm 55ml nắp trắng, có nhãn	<ul style="list-style-type: none"> - Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu trắng, dung tích 55ml - Kích thước: chiều cao 60mm, đường kính 35mm - Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong 	Lọ	100.000	100 Lọ/ Bịch	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 				
50	PP2600 205508	Lọ lấy mẫu đảm kín	Lọ lấy mẫu đảm kín	<ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu nhựa PP/PS nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm + ISO 13485:2016 + TCVN hoặc tương đương + Thể tích 50ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm 	Cái	2.400	100 Cái/bịch	
51	PP2600 205509	Lọ lấy mẫu tinh trùng tiệt trùng	Lọ lấy mẫu tinh trùng tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa PP/PS nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm - ISO 13485:2016 + TCVN hoặc tương đương - Thể tích 50ml 	Cái	2.000	Bịch/100 cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - HSD: 60 tháng - Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm 				
52	PP2600 205510	Lọ nhựa đựng mẫu phân PP/PS 50ml (có chất bảo quản)	Lọ nhựa đựng mẫu phân PP/PS 50ml (có chất bảo quản)	<ul style="list-style-type: none"> - Lọ nhựa PS trắng trong, dung tích 50ml. Có nhãn màu trắng, nắp màu vàng, có thìa lấy mẫu phân bên trong - Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với bệnh phẩm bên trong - Có chất F2AM trong lọ giúp bảo quản mẫu phân - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 	Lọ	10.000	100 Lọ/ Bịch	
53	PP2600 205511	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp đỏ, có nhãn	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp đỏ, có nhãn	<ul style="list-style-type: none"> - Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55ml - Kích thước: chiều cao 60mm, đường kính 35mm 	Lọ	10.000	100 Lọ/ Bịch	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. CE, CFS hoặc tương đương - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 				
54	PP2600 205512	Miếng dán phẫu thuật chuyên dùng cho tán sỏi qua da	Miếng dán phẫu thuật chuyên dùng cho tán sỏi qua da	<ul style="list-style-type: none"> - Cỡ 45x 45cm - Chất liệu: Polyurethane - Thiết kế thoáng khí, không thấm nước và có phễu thu sỏi - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc tương đương 	Cái	300	01 Cái/gói	
55	PP2600 205513	Mũi khoan xương các cỡ dùng 1 lần	Mũi khoan xương các cỡ dùng 1 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ UNS S31603 316L (ASTM 276-17), đóng gói trong túi ép y khoa, tiệt trùng sẵn, sử dụng 1 lần - Đường kính có các cỡ 2.5/2.7/3.5/4.5/6.0mm, chiều dài từ 120-130mm, 150-160mm, 200-220mm 	Cái	500	1 Cái/gói	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
56	PP2600 205514	Nắp bình dẫn lưu phổi thủy tinh	Nắp bình dẫn lưu phổi thủy tinh	<p>Nắp bằng nhựa cứng, lót joint cao su, có đúc sẵn 2 đầu nối nhựa dùng để nối :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 đầu có luồn ống thủy tinh nối với 1 ống dẫn lưu dịch phổi bằng nhựa dẻo, cuối dây được nối với 1 co nối nhựa cứng 3 ngăn - 1 đầu nối với ống nhựa dẻo để thông hơi <p>Dây nắp bình dẫn lưu phổi gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1-Ống thủy tinh trong dài 300mm ± 0,2mm, đường kính 10.10mm ± 0,1mm 2-Ống nối dẫn lưu nhựa dẻo dài 1000mm ± 10mm, đường kính 12mm ± 1mm 3-Ống nhựa dẻo 300mm ± 10mm, đường kính 10mm ± 1mm 4-Chất liệu: bằng nhựa PVC (Theo tài liệu “Hướng dẫn sử dụng” công bố trên cổng thông tin) 	Bộ	500	01 Bộ/gói	
57	PP2600 205515	Nẹp căng bàn chân nhôm	Nẹp căng bàn chân nhôm	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định, ổn định khớp cổ chân sau chấn thương, sau mổ - Chống xoay ở tư thế nằm của chân chấn thương <p>Vật liệu:</p>	Cái	1.800	Gói/cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, vải dệt kim - Khóa Velcro - Khuôn nhựa đúc từ gối đến bàn chân, dán xé, để gắn cao su chống trượt 				
58	PP2600 205516	Nẹp căng tay vải trái, phải các số	Nẹp căng tay vải trái, phải các số	<p>Chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định chấn thương gãy xương, bong gân căng tay, cổ tay và bàn tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải Mouse (mút xốp), vải cotton - Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm uốn định hình dài khoảng 20-25 cm 	Cái	1.500	Gói/cái	
59	PP2600 205517	Nẹp cánh căng bàn tay trái, phải	Nẹp cánh căng bàn tay trái, phải	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định gãy xương, trật khớp vùng khuỷu tay, căng tay sau chấn thương hoặc sau phẫu thuật <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí - Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm 	Cái	600	Gói/cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
60	PP2600 205518	Nẹp chống xoay ngấn	Nẹp chống xoay ngấn	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định, ổn định khớp cổ chân sau chấn thương, sau mổ <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải dệt kim, hệ thống dây đai - Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm 	Cái	500	Gói/cái	
61	PP2600 205519	Nẹp cổ cứng các số	Nẹp cổ cứng các số	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ cứu chấn thương cột sống cổ - Treo cổ, căng cổ quá mức - Cố định đốt sống cổ sau chấn thương hoặc sau phẫu thuật <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - EVA, khóa Velcro 	Cái	1.000	Gói/cái	
62	PP2600 205520	Nẹp cột sống lưng các số	Nẹp cột sống lưng các số	<p>Cố định, ổn định vùng thắt lưng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải dệt kim có ép mút dày 4mm, thoáng khí - Khóa Velcro có độ bám chặt tốt, đai thun, nẹp hợp kim nhôm: 6 thanh nhôm LA15 dài 20cm - Các size 6 ; 7 ; 8 ; 9 , có số đo vòng eo (cm) 70-80; 80-90; 90-100; >100 	Cái	1.500	Gói/cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
63	PP2600 205521	Nẹp đùi các số	Nẹp đùi các số	<p>Đai Zimmer (dùng cho đùi)</p> <p>Hỗ trợ cố định vùng quanh khớp gối, đùi, cẳng chân</p> <p>Vật liệu: Vải dệt kim có ép mút, thoáng khí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mút dày có độ dày đúng theo quy định là 4mm. - Khóa Velcro có độ bám chặt tốt. - Khoen sắt chữ nhật đạt độ cứng không gãy dưới lực kéo của khoá nhám velcro. - Nẹp hợp kim nhôm: 4 thanh nhôm LA15 dài 47 -> 63cm - Các size 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 	Cái	1.500	Gói/cái	
64	PP2600 205522	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 0.4m	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 0.4m	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ cứu chấn thương chân, tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gỗ tự nhiên + vải mút dệt kim 	Cái	1.000	Cái	
65	PP2600 205523	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 0.6m	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 0.6m	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ cứu chấn thương chân, tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gỗ tự nhiên + vải mút dệt kim 	Cái	1.000	Cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
66	PP2600 205524	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 0.9m	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 0.9m	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ cứu chấn thương chân, tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gỗ tự nhiên + vải mút dệt kim 	Cái	2.000	Cái	
67	PP2600 205525	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 1.2m	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 1.2m	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ cứu chấn thương chân, tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gỗ tự nhiên + vải mút dệt kim 	Cái	1.500	Cái	
68	PP2600 205526	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 1.6m	Nẹp gỗ cố định có bọc vải 1.6m	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ cứu chấn thương chân, tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gỗ tự nhiên + vải mút dệt kim 	Cái	500	Cái	
69	PP2600 205527	Nẹp ngón 3 châu	Nẹp ngón 3 châu	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định khớp ngón tay, ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, tăng khả năng điều trị và bảo vệ ngón tay khỏi những thương tổn có thể xảy ra - Gãy xương đốt ngón tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp kim nhôm dễ uốn cong nhưng rất chắc chắn khi cố định 	Cái	1.000	Gói/cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				- Lớp xốp mềm, thoáng khí				
70	PP2600 205528	Nẹp ngón 4 chấu	Nẹp ngón 4 chấu	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định khớp ngón tay, ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, tăng khả năng điều trị và bảo vệ ngón tay khỏi những thương tổn có thể xảy ra - Gãy xương đốt ngón tay <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp kim nhôm dễ uốn cong nhưng rất chắc chắn khi cố định - Lớp xốp mềm, thoáng khí 	Cái	600	Gói/cái	
71	PP2600 205529	Nẹp nhôm Iseline	Nẹp nhôm Iseline	<p>Chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, tăng khả năng điều trị và bảo vệ ngón tay khỏi những tổn thương có thể xảy ra - Cố định và bảo vệ gãy xương đốt tay ngoại biên <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm 	Cái	2.000	Gói/10 cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				- Thanh nẹp thẳng, dễ dàng uốn cong để giữ ngón tay ở vị trí chức năng khi sử dụng				
72	PP2600 205530	Nhiệt kế thủy ngân 42 độ	Nhiệt kế thủy ngân 42 độ	Nhiệt kế y khoa đo thân nhiệt người Độ chính xác cao, thường dùng kẹp nách, thời gian đo từ 3-5 phút.	Cái	1.000	Hộp/12 cái	
73	PP2600 205531	Núm điện tim	Núm điện tim	Điện cực hút ngực, đường kính lỗ cắm 3mm , tương thích chuẩn máy điện tim. Núm hình tròn, đường kính núm cao su là 26mm. Chất liệu: Núm bằng silicon , điện cực tiếp xúc da bằng hợp kim niken bạc	Gói	30	Gói/6 cái	
74	PP2600 205532	Ống chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước	Ống chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước	Chỉ thị sinh học kiểm tra chất lượng nhanh chóng quá trình tiệt khuẩn hơi nước - Cho kết quả trong 24 phút khi được ủ trong thiết bị 3M Attest Auto-reader 490/490M • Cấu tạo: - Ống đóng sẵn chứa bào tử Geobacillus stearothermophilus - Ống thủy tinh kín với môi trường sinh trưởng	Ống	4.000	50 Ống/Hộp	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<p>- 1 chỉ thị hóa học dán trên đỉnh nắp sẽ chuyển màu khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dùng kiểm tra chất lượng chu trình tiệt khuẩn lò chân không từ 132°C đến 135°C • Chỉ thị hóa học trên đỉnh nắp sẽ chuyển từ màu hồng sang màu nâu hoặc nâu đậm khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn • Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Ống nhựa 50-60%, Nắp Polypropylene 20-25%, Dung dịch môi trường tăng trưởng 10-15%, Ống thủy tinh Borosilicate 5-10%, Chất hỗ trợ quy trình <5%, Nhãn <2%, Vải không dệt Nylon <2%, Bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i> 0.01-0.05% • Đạt tiêu chuẩn CFG (do FDA cấp) và ISO 13485:2016 hoặc tương đương 				
75	PP2600 205533	Ống hút nước bọt (nha khoa)	Ống hút nước bọt (nha khoa)	<p>Dễ sử dụng với thanh thép không gỉ giúp định hình ống hút trong miệng, dễ uốn theo hình dạng mong muốn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng nhựa mềm không gây đau 	Ống	15.000	Gói/100 ống	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Giữ nguyên hình dạng khi uốn cong - Đường kính: 6mm - Dài: 14.5mm - Đóng gói: túi 100 cái 				
76	PP2600 205534	Ống ly tâm Eppendorf 1,5ml	Ống ly tâm Eppendorf 1,5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Tube ly tâm nắp đậy dạng bật cung cấp khả năng bảo vệ mẫu hiệu quả trong khi vẫn duy trì nắp dễ mở - Giảm bị trầy xước hoặc rách găng tay nhờ thiết kế nắp tròn lớn hơn hỗ trợ mở và bẻ mặt nhẫn. Ngoài ra nắp được thiết kế có độ khít cao với phần thân giúp giữ mẫu an toàn khi lý tâm - Thân tube có chia vạch thể tích 0.1, 0.5, 1.0, 1.5ml - Độ đồng nhất của tube cao, hỗ trợ cho độ bền cần thiết trong quá trình ly tâm - Chất liệu: 100% polypropylene - Dung tích: 1.5ml - Lực ly tâm tối đa: 26,000 x G - Sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen 	Cái	66.000	500 Cái/gói	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng bảo quản lạnh ở -80 độ C, hấp tiệt trùng, không bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ sôi - Màu: trắng trong tự nhiên 				
77	PP2600 205535	Ống nghiệm Chimigly 2ml	Ống nghiệm Chimigly 2ml	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml, nắp nhựa LDPE màu xám - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride và EDTA K2, chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng) - Dùng xét nghiệm đường (duy trì đường huyết không thay đổi trong vòng 36- 48h sau khi lấy máu) và các xét nghiệm sinh hóa (trừ Na⁺) - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương 	Ống	2.400	2.400 Ống/ thùng	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 				
78	PP2600 205536	Ống nghiệm Chimigly 2ml nắp xám, mous thấp	Ống nghiệm Chimigly 2ml nắp xám, mous thấp	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml, nắp nhựa LDPE màu xám - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride và EDTA K2, chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng) - Dùng xét nghiệm đường (duy trì đường huyết không thay đổi trong vòng 36- 48h sau khi lấy máu) và các xét nghiệm sinh hóa (trừ Na⁺) - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương 	Ống	12.000	2.400 Ống/ thùng	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 				
79	PP2600 205537	Ống nghiệm Citrate 3,8% 1ml	Ống nghiệm Citrate 3,8% 1ml	<p>Ống nghiệm Tri-sodium citrate 3.8%, nắp xanh lá</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thể tích chứa: 1 mL, có vạch định mức 1 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn • Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0.5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu xanh lá, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm • Nồng độ Sodium Citrate: 0.129 M (3.8%). Có phiếu kiểm tra độ tinh khiết hóa chất Sodium Citrate > 99.95% của cơ quan kiểm định • Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE hoặc tương đương 	Ống	12.000	2.400 Ống/ thùng	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
80	PP2600 205538	Ống nghiệm Citrate 3,8% 2ml nắp xanh lá, mous thấp	Ống nghiệm Citrate 3,8% 2ml nắp xanh lá, mous thấp	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml, nắp nhựa LDPE màu xanh lá cây - Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8%, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng) - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống - Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 	Ống	220.000	2.400 Ống/thùng	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
81	PP2600 205539	Ống nghiệm EDTA K3; 0,5 ml	Ống nghiệm EDTA K3; 0,5 ml	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm là ống đựng huyết thanh 2ml nắp bật - Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng) - Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..) - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 0.5ml có thể dùng máu mao mạch chuyên dùng cho các bệnh nhân nhi - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 	Ống	15.000	4.200 Ống/ thùng	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
82	PP2600 205540	Ống nghiệm K2EDTA, nút cao su, 2 mL, tiệt trùng	Ống nghiệm K2EDTA, nút cao su, 2 mL, tiệt trùng	<p>Ống nghiệm K2EDTA, nắp xanh da trời, có nút cao su</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thê tích chứa: 2 mL, có vạch định mức 2 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn • Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0.5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nút cao su bromo-butyl, kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu xanh da trời • Nồng độ EDTA: 1.2 – 2.2 mg/mL máu. Có phiếu kiểm tra độ tinh khiết hóa chất EDTA ≥ 99.8% của cơ quan kiểm định • Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE và CFS Châu Âu hoặc tương đương 	Ống	550.000	100 Ống/kh y	
83	PP2600 205541	Ống nghiệm Lithium	Ống nghiệm Lithium	- Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml, nắp nhựa LDPE màu đen	Ống	550.000	2.400 Ống/	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
		Heparin, 2 mL	Heparin, 2 mL	<ul style="list-style-type: none"> - Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng) - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ống - Dùng xét nghiệm Ion đồ Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Cl... trừ Li⁺. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH₃ và định lượng Alcohol trong máu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 			thùng	
84	PP2600 205542	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5ml, nắp trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhựa PP y tế, trung tính không phản ứng với hóa chất - Thể tích 1,5ml, có vạch thể tích trên thành ống. Thành trơn láng chống sự bám 	Ống	30.000	1.000 Ống/bịch	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
		1.5ml, nắp trắng		<p>dính của mẫu bệnh phẩm. Chịu được nhiệt độ lạnh đông và ly tâm theo tiêu chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng lưu mẫu và vận chuyển mẫu - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương - Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT - Phân nhóm 5 (theo TT14/2020/TT-BYT) 				
85	PP2600 205543	Ống nghiệm Serum hạt to nắp đỏ	Ống nghiệm Serum hạt to nắp đỏ	<p>Ống nghiệm tách huyết thanh, nắp đỏ, hạt trụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thể tích chứa: 4 mL, có vạch định mức 1 mL, 2 mL, 3 mL, 4 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn • Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0.5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu đỏ, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm 	Ống	200.000	2.500 Ống/ thùng	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> • Số lượng hạt Polystyrene hình trụ: 0.3 - 0.45 g/ống. Có phiếu kiểm định danh hạt nhựa Polystyrene bằng phương pháp FTIR của cơ quan kiểm định • Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE và CFS Châu Âu hoặc tương đương 				
86	PP2600 205544	Ống thông đường mật chữ T số 18	Ống thông đường mật chữ T số 18	<ul style="list-style-type: none"> - Công dụng: Được sử dụng để thoát nước cho bệnh nhân bị viêm túi mật - Làm từ cao su tự nhiên, phủ 1 lớp silicon - Các ống này đều có dải cản quang nằm dọc thân ống để dễ dàng xác định khi chụp X quang - Phần kết nối có đường kính lớn hơn so với các bộ phận khác - Size: 14, 16, 18, 20, 22, 24 - Kích cỡ: 20 x 40cm - Đkkt: cao su tự nhiên Latex, hai đoạn ống thông nối nhau hình chữ T màu vàng sậm, đầu ống bo tròn dễ luồn - Đóng gói: 1c/gói tiệt trùng 	Cái	300	1 Cái/gói	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
87	PP2600 205545	Que chỉ thị hóa học (Plasma)	Que chỉ thị hóa học (Plasma)	<p>Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát chất lượng gói dụng cụ đối với các máy và chu trình tiệt khuẩn Hydrogen Peroxid - Giám sát độ lặp ba thông số quan trọng: thời gian, nhiệt độ và nồng độ VH₂O₂ • Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> - Màng film • Kích thước: 1,9cm x 5,1cm - Công nghệ mực dịch chuyển, màu của chỉ thị sẽ dịch chuyển dần từ xanh dương sang hồng dọc theo dải chỉ thị - Mức độ dịch chuyển phụ thuộc vào thời gian tiếp xúc, nhiệt độ và nồng độ của hơi hydrogen peroxide - Dễ đọc kết quả, thay đổi màu có thể nhìn thấy qua một ô được đánh dấu ""Reject"" và ""Accept"" - Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng khi được bảo quản đúng điều kiện khuyến nghị 	Miếng	25.000	250 Miếng/túi	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Polyester Film <52%, Mực <2%, Giấy 11%, Polystyrene Film 32%, Acrylate Adhesive <3%. Không chứa cellulose Chỉ thị hóa học đa thông số, nhóm 4 Đạt tiêu chuẩn CFG (do FDA cấp) và ISO 13485:2016 hoặc tương đương 				
88	PP2600 205546	Test chỉ thị hóa học	Test chỉ thị hóa học	<p>Que test chỉ thị hoá học class 5 (Type 5) giúp kiểm tra quá trình tiếp xúc hơi nước như: áp suất, nhiệt độ và thời gian tiệt trùng của gói dụng cụ</p> <p>Đạt chuẩn: EC, ISO hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước ở nhiệt độ từ 121oC là 15 phút - 134oC là 3,5 phút - Chuyển màu rõ rệt và chính xác - Thay đổi màu sắc rõ ràng từ Màu Xám chuyển sang Màu Đen (hoặc sáng hơn) 	Miếng	70.000	500 Miếng/hộp	
89	PP2600 205547	Tube chống đông edta (có chất chống đông 4ml)	Tube chống đông edta (có chất chống đông 4ml)	<p>Ống nghiệm chân không K2EDTA, nắp tím</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thê tích hút chân không: 4 mL, có vạch định mức và dấu chứng nhận CE trên nhãn 	Ống	7.200	100 Ống/khà y	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
		dành cho đo tải lượng HIV tự động)	dành cho đo tải lượng HIV tự động)	<ul style="list-style-type: none"> • Thân ống Polyetylen terephthalat (PET) trong suốt, kích thước 13x75mm, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu tím • Nút cao su bromo-butyl, kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm • Nồng độ EDTA: 1.2 – 2.2 mg/mL máu. Có phiếu kiểm tra độ tinh khiết hóa chất EDTA $\geq 99.8\%$ của cơ quan kiểm định • Tiệt trùng: Chiếu xạ E-beam • Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE và CFS Châu Âu hoặc tương đương 				
90	PP2600 205548	Túi chườm nóng	Túi chườm nóng	<p>Chất liệu cao su. Dung tích 2000ml</p> <p>Công dụng: Túi đựng nước nóng, hỗ trợ việc chườm nóng giảm đau</p>	Cái	30	Cái	
91	PP2600 205549	Túi dự trữ oxy 30L	Túi dự trữ oxy 30L	- Công dụng: dùng để dự trữ oxy cho bệnh nhân	Cái	20	Cái	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng: dễ dàng làm sạch, an toàn, bền và dễ dàng thực hiện việc bơm trữ oxy - Chất liệu: được làm bằng nylon không độc hại và các vật liệu cao su dùng trong y tế 				
92	PP2600 205550	Túi đựng bệnh phẩm tiệt trùng các cỡ	Túi đựng bệnh phẩm tiệt trùng các cỡ	<p>Chất liệu nhựa PE trắng nguyên chất, có 2 kích thước cơ bản: 9x17cm (size S) /12x17cm (size M), bề dày 0,1mm ($\pm 0,05$mm)</p> <p>Kích thước có thể thay đổi tùy theo yêu cầu thị trường</p>	Cái	6.000	Bịch 100 cái	
93	PP2600 205551	Túi hơi huyết áp kế	Túi hơi huyết áp kế	<p>Phụ tùng thay thế huyết áp kế</p> <p>Cao su bền, co giãn tốt, giữ hơi lâu</p>	Cái	3.000	Bó/20 cái	
94	PP2600 205552	Van huyết áp kế cơ	Van huyết áp kế cơ	<p>Phụ tùng thay thế huyết áp kế</p> <ul style="list-style-type: none"> -Kiểm soát việc bơm hơi và xả hơi (giảm áp suất) trong quá trình đo. - Thường là inox hoặc hợp kim bền, chống ăn mòn, đảm bảo kín khí 	Cái	150	Cái	
95	PP2600 205553	Viên đặt hậu môn	Viên đặt hậu môn	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Copolymer of 2-hydroxyethylmethacrylate 10% Witepsol W25: 90% 	Viên	10.000	5 viên đạn x 2 vỉ	

Stt	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính: Điều trị vết thương cấp tính và mạn tính, các tổn thương da và niêm mạc, các vết nứt, rách tại khu vực trực tràng, hậu môn, hỗ trợ điều trị trĩ và nứt kẽ hậu môn - Dạng bào chế: Viên đặt hậu môn - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương 				
96	PP2600 205554	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai	<p>Vòng tránh thai T Cu 380A (Copper T 380A) hoặc tương đương là một loại dụng cụ tránh thai đặt trong buồng tử cung, được làm bằng polyethylene Cành đứng (thân dọc) được cuộn dây đồng và mỗi cành ngang được bọc bởi một ống đồng. Tổng diện tích bề mặt của đồng xấp xỉ 380 mm². Các cành ngang dễ uốn và được thiết kế để có thể giữ Vòng tránh thai nằm sát với đáy tử cung mà không tụt xuống hoặc chạm vào sừng tử cung</p>	Cái	600	Gói/cái Hộp/50 cái	